

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ NĂM HỌC 2025 - 2026

Từ ngày 15/09/2025 đến ngày 19/09/2025

Tuần 2 tháng 9 năm học 2025-2026											
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/ HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/15-09	1	Thịt kho tàu	Thịt lợn mông vai	67	120.000	8.040			Chất đốt	1.000	
	2	Trứng cuộn	Trứng vịt	40	60.000	2.400			Nhân công	2.000	
	3	Canh mồng tơi nấu tép	Mồng tơi	35	18.000	630			Thuế	1.482	
			Tép	6	160.000	960			Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	5,95	35.000	208					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/ HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 3/ 16-09	1	Thịt gà xé rim	Gà CN bỏ cđcc	80	85.000	6.800			Chất đốt	1.000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	55	32.000	1.760			Nhân công	2.000	
			Cà chua	18	20.000	360			Thuế	1.482	
	3	Canh bí xanh nấu gà	Bí xanh	60	18.000	1.080			Khấu hao	300	
			Gà	25	85.000	2.125					

	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	3,24	35.000	113					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 4/17-09	1	Giò lợn	Giò lợn	60	140.000	8.400			Chất đốt	1.000	
	2	Bắp cải cà rốt xào thịt	Bắp cải cà rốt	40	18.000	720			Nhân công	2.000	
			Thịt lợn mỡ vai	7	120.000	840			Thuế	1.482	
	3	Canh bí đỏ nấu xương	Bí đỏ	55	17.000	935			Khấu hao	300	
			thịt lợn mỡ vai	10	120.000	1.200					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	4,08	35.000	143					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 5/18-09	1	Cá rô phi lọc chiên	Cá rô phi phi lê	70	120.000	8.400			Chất đốt	1.000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	50	32.000	1.600			Nhân công	2.000	
			Cà chua	10	20.000	200			Thuế	1.482	
	3	Canh cải thảo nấu thịt	Cải thảo	35	18.000	630			Khấu hao	300	
			Thịt lợn mỡ vai	10	120.000	1.200					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	5,95	35.000	208					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					

		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 6/19-09	1	Thịt băm rang	Thịt lợn mông vai	65	120.000	7.800			Chất đốt	1.000	
	2	Xúc xích chiên	Xúc xích CP	30	90.000	2.700			Nhân công	2.000	
	3	Canh khoai tây nấu xur	Khoai tây	52	18.000	936			Thuế	1.482	
			Xương lợn	8	85.000	680			Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	3,48	35.000	122					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000

Hiệu Trưởng Duyệt



Hoàng Sách Khôi

Người Lập Thực Đơn

Nguyễn Thị Hải Yến